


**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
(NAVIFICO)**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26/04/ 2016



1



MỤC LỤC	2
<u>PHẦN MỞ ĐẦU</u>	5
<u>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</u>	5
<u>Điều 1.</u> Giải thích thuật ngữ	5
<u>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRU SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</u>	5
<u>Điều 2.</u> Tên, hình thức, tru sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty...	5
<u>Điều 3.</u> Người đại diện theo pháp luật của công ty	6
<u>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</u>	6
<u>Điều 4.</u> Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	6
<u>Điều 5.</u> Phạm vi kinh doanh	6
<u>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u>	7
<u>Điều 6.</u> Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.	7
<u>Điều 7.</u> Chứng nhận cổ phiếu	7
<u>Điều 8.</u> Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
<u>Điều 9.</u> Chuyển nhượng cổ phần	8
<u>Điều 10.</u> Thu hồi cổ phần	8
<u>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRI VÀ KIỂM SOÁT</u>	9
<u>Điều-11.</u> Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát.....	9
<u>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	9
<u>Điều 12.</u> Quyền của cổ đông	9
<u>Điều 13.</u> Nghĩa vụ của cổ đông	10
<u>Điều 14.</u> Đại hội đồng cổ đông.....	10
<u>Điều 15.</u> Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
<u>Điều 16.</u> Các đại diện được ủy quyền.....	13
<u>Điều 17.</u> Thay đổi các quyền	13
<u>Điều 18.</u> Triều tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo	14
<u>Điều 19.</u> Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
<u>Điều-20.</u> Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	15

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a single vertical stroke. In the center, there are two distinct signatures. On the right, there is a larger, more complex signature. Below these signatures, a horizontal blue line spans across the width of the page.

<u>Điều 21.</u>	<u>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u>	17
<u>Điều 22.</u>	<u>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u>	17
<u>Điều 23.</u>	<u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u>	19
<u>Điều 24.</u>	<u>Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u>	19
<u>VII.</u>	<u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	19
<u>Điều 25.</u>	<u>Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên HĐQT</u>	19
<u>Điều 26.</u>	<u>Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</u>	20
<u>Điều 27.</u>	<u>Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u>	20
<u>Điều 28.</u>	<u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>	22
<u>Điều 29.</u>	<u>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</u>	22
<u>VIII.</u>	<u>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG</u>	25
<u>Điều 30.</u>	<u>Tổ chức bộ máy quản lý</u>	25
<u>Điều 31.</u>	<u>Cán bộ quản lý</u>	25
<u>Điều 32.</u>	<u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</u>	25
<u>Điều 33.</u>	<u>Thư ký Công ty</u>	26
<u>IX.</u>	<u>BAN KIỂM SOÁT</u>	27
<u>Điều 34.</u>	<u>Thành viên Ban kiểm soát</u>	27
<u>Điều 35.</u>	<u>Ban kiểm soát</u>	28
<u>X.</u>	<u>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, Tổng Giám đốc, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.</u>	29
<u>Điều 36.</u>	<u>Trách nhiệm cẩn trọng</u>	29
<u>Điều 37.</u>	<u>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u>	29
<u>Điều 38.</u>	<u>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u>	30
<u>XI.</u>	<u>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	30
<u>Điều 39.</u>	<u>Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ</u>	30
<u>XII.</u>	<u>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	31
<u>Điều 40.</u>	<u>Công nhân viên và Công đoàn</u>	31

<u>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	31
Điều 41. Phân phối lợi nhuận	31
<u>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DƯ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	32
Điều 42. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 43. Năm tài chính.....	32
Điều 44. Chế độ kế toán	32
<u>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	32
Điều 45. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý	32
Điều 46. Báo cáo thường niên	33
<u>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</u>	33
Điều 47. Kiểm toán.....	33
<u>XVII. CON DẤU</u>	33
Điều 48. Con dấu.....	33
<u>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	33
Điều 49. Chấm dứt hoạt động.....	33
Điều 50. Gia hạn hoạt động	34
Điều 51. Thanh lý.....	34
<u>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</u>	34
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	34
<u>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</u>	35
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	35
<u>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</u>	35
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	35

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a horizontal line followed by a signature. In the center, there are two more signatures. On the right, there is a signature with a large, sweeping flourish. The page number '4' is printed above the rightmost signature.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của **Công ty cổ phần Nam Việt** (dưới đây gọi là Công ty) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 04 năm 2016.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được qui định tại điều 6 Điều lệ này
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
 - c. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - d. "Cán bộ quản lý" Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí khác do Hội đồng Quản trị Công ty phê chuẩn.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Các từ viết tắt:
 - HĐQT là viết tắt của Hội đồng quản trị.
 - BKS là viết tắt của Ban kiểm soát.
 - ĐHĐCĐ là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu nào tới một số qui định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế:
 - Các tiêu đề (chương, điều của điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**
 Tên giao dịch quốc tế: **NAM VIET JOINT STOCK COMPANY**
 Tên viết tắt: **NAVIFICO**

- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: 18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 84 - 8 – 37313443
 - Fax: 84 - 8 – 37313641
 - Email: naviinfo@navifico-corp.com
 - Website: www.navifico.vn
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty bắt đầu từ ngày thành lập và thời hạn là 50 năm.

ĐIỀU 3: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

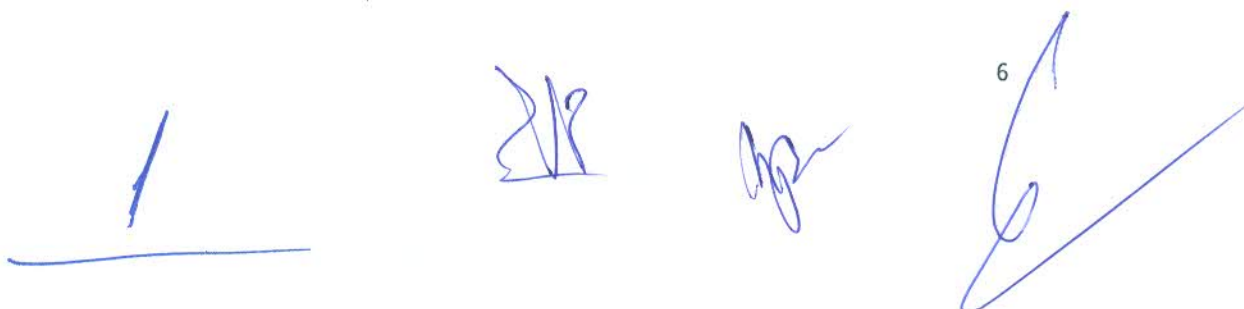
ĐIỀU 4: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ; tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo qui định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh

ĐIỀU 5: PHẠM VI KINH DOANH

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm

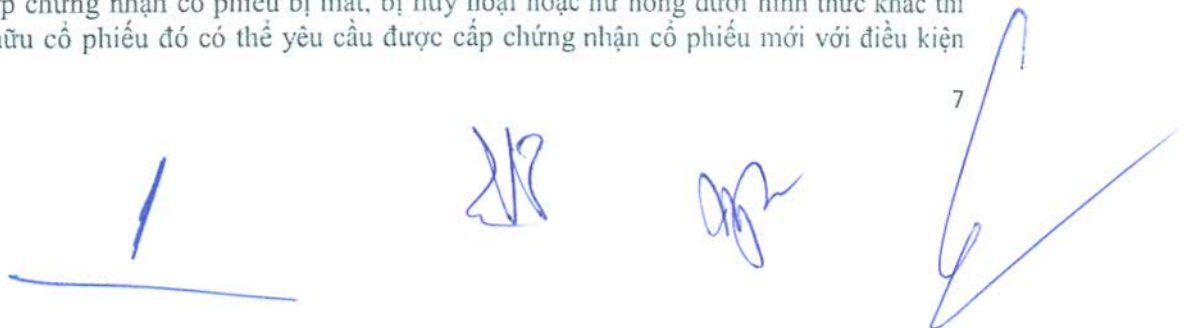


IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**ĐIỀU 6: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000đ (Tám mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng /mỗi cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Họ tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của cổ đông sáng lập; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập theo qui định tại Điều 26 Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông đăng ký không mua hết do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật

ĐIỀU 7: CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

1. Cổ đông của công ty được cấp một chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo qui định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện



7

phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

ĐIỀU 8: CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC





Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của công ty

ĐIỀU 9: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có qui định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền liên quan như quyền cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 10: THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yếu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo qui định tại khoản 4 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo qui định tại Điều 112 Luật doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và không quá 12% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT, HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người sở hữu cổ phần trước thời điểm thu hồi; việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 11: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

1. Công ty có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình công ty cổ phần qui định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp
2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
 - a. Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hội đồng quản trị;
 - c. Ban Kiểm soát;
 - d. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 12: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của công ty theo qui định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
 - j. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - k. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại Điều 36 Điều lệ này;

- l. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các qui định tại khoản 3 Điều 114 Luật doanh nghiệp.
- m. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
- n. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- o. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này

ĐIỀU 13: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của công ty; chấp hành các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đăng ký mua theo đúng quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo qui định của luật pháp hiện hành ;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 14: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty. Đặc biệt, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (½) so với đầu kỳ
 - c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với qui định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng 60 ngày, kể từ ngày số thành viên giảm quá một phần ba;
 - d. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký số cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký tối thiểu của một cổ đông có liên quan
 - e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:
- a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu qui định nêu tại điểm d và e Khoản 3 Điều 14
 - b. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi(30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu qui định điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo qui định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này , cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 15: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại.
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền
- 2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua các quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của HĐQT;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS
 - f. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
 - g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần; và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán gần nhất .
 - n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành .
 - o. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT
 - p. Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 160 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ .

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a single vertical stroke. In the center, there is a signature that appears to be 'D.K'. To the right of that, there is another signature that is less legible. On the far right, there is a large, stylized signature that spans across the page. Below these signatures, there is a long horizontal line drawn across the width of the page.

ĐIỀU 16: CÁC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp, có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó
4. Trừ trường hợp qui định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 17: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức những cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 19, 21 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 18: TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP, VÀ THÔNG BÁO

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập và thông báo .
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp
3. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc, Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính , mã số doanh nghiệp, tên địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác với người dự họp.
4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên hệ của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp
 - b. Phiếu biểu quyết
 - c. Mẫu chỉ định đại diện Ủy quyền dự họp
 - d. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Đồng thời Công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông của công ty.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 6 Điều 18 trong các trường hợp sau của Điều này, nếu:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn; hoặc không đủ, không đúng nội dung
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất trên 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng ; theo qui định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

Các trường hợp khác

8. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp
9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ những nghị quyết được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình

ĐIỀU 19: CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

ĐIỀU 20: THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo qui định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập., Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp
6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.
7. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số đại biểu dự họp cần thiết
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia Đại hội.
10. HĐQT sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
11. HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
14. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất (01) một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 21: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua bởi ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và số cổ phần từng loại
 - b. Thay đổi ngành ,nghề và lĩnh vực kinh doanh
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% Tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty
 - f. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty qui định
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp qui định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên qui định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

ĐIỀU 22: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
 - b. Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại qui chế quản trị nội bộ công ty.
 - c. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến . Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo qui định Điều 139 Luật Doanh Nghiệp.

17

- d. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- f. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
- g. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- h. Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- i. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

- ii. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- iii. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 23: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày họp ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 24: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty;
- 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
- 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ theo qui định tại Điều 147 Luật Doanh Nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Toà án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- 4. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, Trọng tài người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 25: CƠ CẤU TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HĐQT

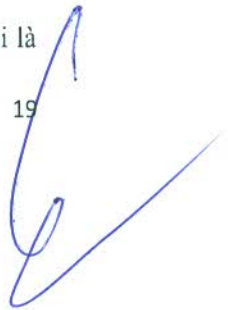
Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo qui định tại Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan.
- 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.





19



3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác

ĐIỀU 26: THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

1. Số lượng thành viên của HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên ; từ 10% đến dưới 30% được cử tối đa hai (02) người; từ 30% đến dưới 40% được cử tối đa ba (03) người; từ 40% đến dưới 50% được cử tối đa bốn (04) người, từ 50% trở lên được cử tối đa năm (05) người.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị nội bộ công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
5. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.
6. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
7. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.
8. Thành viên đó, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
9. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.
10. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
11. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
12. Thành viên HĐQT có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

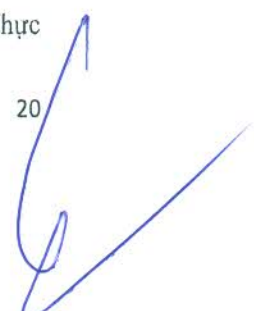
ĐIỀU 27: QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.



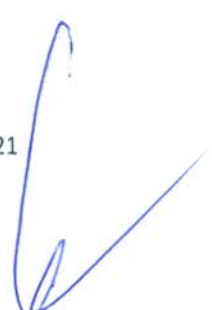




20


2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ công ty và quyết định của ĐHĐCĐ qui định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục đích chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, các việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có)
 - j. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp được quy định khoản 3 tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh)
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.



- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. HĐQT phải báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty
 7. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí ,hoa hồng, quyền mua cổ phần và lợi ích khác được hưởng từ công ty,công ty con, công ty liên kết của công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của công ty
 9. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện các công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT,có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT .
 10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT.

ĐIỀU 28: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.
2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác qui định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
4. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc .
5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 29: CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong bảy (07) ngày

- làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên HĐQT có phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày dự kiến. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp một (01) lần.
 3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp HĐQT bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất có năm (05) cán bộ quản lý khác
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT
 - c. Ban kiểm soát
 - d. Thành viên HĐQT
 4. Các cuộc họp của HĐQT nêu tại khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến tại khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 6. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của chủ tịch HĐQT và sự nhất trí của HĐQT.
 7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản việc từ chối có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
 8. Các cuộc họp HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo qui định, cuộc họp phải triệu tập lại trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT.
 9. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 29, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên HĐQT có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính

The bottom of the page contains several handwritten signatures and marks in blue ink. On the left, there is a single vertical stroke. In the center, there are two distinct signatures. On the right, there is a large, stylized signature that spans across the page number '23'.

vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ.
 - a. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký kết với công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp lần đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện
 - d. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a horizontal line followed by a single vertical stroke. To its right are three distinct signatures, and on the far right is a large, sweeping signature that extends across the page.

khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.

15. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên kết nạp bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của các tiểu ban đó chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
16. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 30: TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có Ban Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

ĐIỀU 31: CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng một số lượng cán bộ quản lý cần thiết, với chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với Tổng Giám đốc, những cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền HĐQT sẽ do HĐQT quyết định.

ĐIỀU 32: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc, quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định về tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm, hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt. Đề xuất và tư vấn cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý
 - d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
 - h. Thực hiện tất cả các qui định khác theo qui định của Điều lệ này và quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc thay thế.

ĐIỀU 33: THƯ KÝ CÔNG TY

HĐQT sẽ chỉ định một (01) Thư ký Công ty hoặc nhiều người làm Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các qui định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
3. Tham dự các cuộc họp
4. Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với pháp luật
5. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 34: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng thành viên BKS của công ty là ba (03) thành viên, các kiểm soát viên là do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý của công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.
3. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.
4. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của công ty.
5. Các Kiểm soát viên bầu một trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải làm việc chuyên trách tại công ty.
6. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ
7. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) người ứng viên
8. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị nội bộ công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
9. Kiểm soát viên sẽ không còn tư cách thành viên BKS trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm soát viên đó không đủ tư cách làm Kiểm soát viên theo quy định của Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.






- d. Kiểm soát viên đó không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của BKS và BKS đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
- e. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 35: BAN KIỂM SOÁT

- 1. BKS có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan.
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, SÁU tháng và hàng quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của công ty

- d. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỹ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - f. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
 - g. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT
- 3. BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu bốn (04) lần một năm và số lượng thành viên tham gia tối thiểu là hai (02) người.
- 4. Mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS.






X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.

ĐIỀU 36: TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 37: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác hoặc những người có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan.
 - b. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác hoặc những người có liên quan đến các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan

ĐIỀU 38: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cẩn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cẩn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của công ty thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của công ty được công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cẩn vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của công ty.
 - Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã không thực hiện trách nhiệm của mình
 - Chi phí bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư) chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

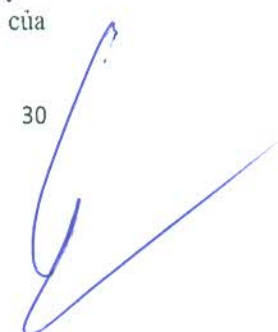
Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 39: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 37 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc người đại diện được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của



Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này phải được công bố trên website của công ty

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 40: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty đối với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và qui định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 41: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả, cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản trả tiền cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu chi trả bằng tiền mặt, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền. Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký chứng khoán
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 42: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 43: NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm.

ĐIỀU 44: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 45: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, SÁU THÁNG VÀ QUÝ

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các qui định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến kiểm toán viên) báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 46: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 47: KIỂM TOÁN

1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các đơn vị này tiến hành hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng chín mươi ngày (90) kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán công ty được phép tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

ĐIỀU 48: CON DẤU

1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 49: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo qui định

ĐIỀU 50: GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

ĐIỀU 51: THANH LÝ

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Trong đó hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý thay mặt Công ty trọng tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 52: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông qui định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp hay luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với công ty
 - b. Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, hai bên thống nhất yêu cầu một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp

The bottom of the page features four handwritten signatures in blue ink. Below the first signature on the left, there is a horizontal blue line. The signatures are stylized and appear to be official marks.

nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán Các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 53: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 54: NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được ĐHĐCĐ thông qua ngày xx /xx/2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị ngang nhau, trong đó:
3. Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước tại địa phương;
4. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo qui định: UBCKNN, Sở GD&ĐT, TTLK CK, Sở KH&ĐT, Cục Thuế.
5. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của công ty
6. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
7. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu ½ tổng số thành viên HĐQT

(*) Các thành viên ký từng trang của Bản Điều lệ

Họ tên chữ ký của Người đại diện theo pháp luật – các thành viên HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Hải Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông : Tôn Thất Mạnh
2. Ông : Nguyễn Quang Hưng
3. Ông Nguyễn Lê Phong

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Đại diện các cổ đông:	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	0	0		
2	Đại diện vốn Nhà nước: Tôn Thất Mạnh; Lê Quang Thiện	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	3.600.000.000	4,5		
3	Lê Hữu Thuận	107 Trần Đình Xu, Quận 1, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420	42.000.000	0,05		
4	Lê Văn Bảy	293/12 Phước Bình, Quận Thủ Đức, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	408	40.800.000	0,05		
5	Lê Văn Tự	727 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	100.000.000	0,12		

6	Nguyễn Thị Tới	90/2 khóm 2, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	600.000.000	0,75		
7	Nguyễn Văn Nam	11/3 khu phố 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	600.000.000	0,75		
8	Tôn Thất Mạnh	684 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, Quận Bình Thạnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.020	102.000.000	0,13		
9	Và 222 cổ đông khác:	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	66.152	6.615.200.000	8,27		
10	Vũ Hải Bằng	198 Tây Sơn, phường Trung Liet, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	300.000.000	0,38		

